



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ...188.../HEID-CV
V/v: Công bố BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2015

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

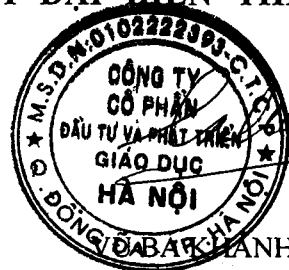
1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (được lập ngày 28/08/2015).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ¹²

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TTHC



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	05 - 46
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 46



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23 tháng 03 năm 2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản Trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Trần Ái	Chủ tịch danh dự
Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch
Ông Vũ Bá Khánh	Phó chủ tịch
Bà Trần Thị Như Hà	Thành viên
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Hồng	Phó Tổng Giám đốc	(Chuyên công tác từ ngày 01/01/2015)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng Ban
Bà Phí Ngọc Uyên	Thành viên
Ông Phạm Văn Cẩn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu

đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015



Số: 1129/2015/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây (là Công ty liên kết của Công ty) đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, các khoản công nợ và hàng gửi bán chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Bằng các thủ tục thay thế khác, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề như mô tả ở đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0744-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2015

Nguyễn Trường Minh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2290-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

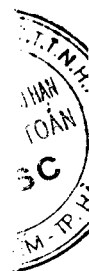
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		268.628.456.335	209.564.585.311
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	13.465.300.422	49.219.443.206
111	1. Tiền		13.465.300.422	29.219.443.206
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	16.006.800	16.503.900
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(102.769.600)	(102.272.500)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		109.302.349.657	61.651.503.825
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	107.012.219.524	38.578.411.193
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.515.787.195	23.395.750.939
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	7.440.277.117	5.220.019.867
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.665.934.179)	(5.542.678.174)
140	IV. Hàng tồn kho	8	132.760.935.269	87.271.455.894
141	1. Hàng tồn kho		139.036.934.431	90.218.045.700
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.275.999.162)	(2.946.589.806)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.083.864.187	11.405.678.486
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	12.621.675.521	11.068.958.433
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	111.688.435
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	462.188.666	225.031.618

1105 -
CÔNG TY
CH NHIỆM H
HÀNG KIẾ
A A
HOÀN T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015
 (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		128.679.164.694	131.895.994.308
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.139.800.000	4.139.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	4.139.800.000	4.139.800.000
220	II. Tài sản cố định		2.441.574.726	607.485.274
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	2.441.574.726	607.485.274
222	- Nguyên giá		5.804.322.484	3.742.595.211
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.362.747.758)	(3.135.109.937)
230	III. Bất động sản đầu tư	10	75.902.956.568	77.647.852.118
231	- Nguyên giá		87.244.777.643	87.244.777.643
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.341.821.075)	(9.596.925.525)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.607.011.818	4.541.011.818
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	4.607.011.818	4.541.011.818
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	16.947.828.732	17.638.592.915
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		13.197.828.732	12.888.592.915
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.750.000.000	4.750.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		24.639.992.850	27.321.252.183
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	7.636.363.528	8.727.272.728
269	2. Lợi thế thương mại	13	17.003.629.322	18.593.979.455
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		397.307.621.029	341.460.579.619



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		183.798.915.244	135.876.373.484
310	I. Nợ ngắn hạn		182.252.230.244	134.154.168.484
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	60.231.669.393	30.094.182.360
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.937.204	50.285.105
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.541.658.071	2.191.900.356
314	4. Phải trả người lao động		8.704.310.681	3.698.011.979
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	9.642.129.716	3.878.550.201
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		64.280.818	10.227.273
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	602.809.413	665.370.124
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	95.215.025.718	88.858.069.358
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.244.409.230	4.707.571.728
330	II. Nợ dài hạn		1.546.685.000	1.722.205.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	1.546.685.000	1.722.205.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		213.508.705.785	205.584.206.135
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	213.508.705.785	205.584.206.135
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.945.655.948	24.166.950
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(3.200.876.950)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		31.365.353.059	29.010.550.892
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		10.270.524.238	10.270.524.238
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.927.172.540	19.479.841.005
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(357.281.162)	(2.465.331.062)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		20.284.453.702	21.945.172.067
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		397.307.621.029	341.460.579.619



Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	238.120.187.966	215.626.332.178
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	1.683.299.065	1.362.581.486
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		236.436.888.901	214.263.750.692
11	4. Giá vốn hàng bán	23	173.022.655.098	160.085.166.295
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		63.414.233.803	54.178.584.397
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	340.675.065	309.698.504
22	7. Chi phí tài chính	25	3.194.214.558	4.900.416.637
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		3.191.988.487	3.737.269.369
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(21.586.218)	461.872.306
25	9. Chi phí bán hàng	26	16.884.339.653	16.138.757.908
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	16.619.133.171	9.163.626.482
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		27.035.635.268	24.747.354.180
31	12. Thu nhập khác		4.698.604	-
32	13. Chi phí khác	28	585.768.454	300.000
40	14. Lợi nhuận khác		(581.069.850)	(300.000)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.454.565.418	24.747.054.180
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	6.170.111.716	5.331.901.719
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>20.284.453.702</u>	<u>19.415.152.461</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		20.284.453.702	19.415.152.461
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.356	1.333

105 - C
CÔNG TY
PHIẾM HỮU
KIỂM T
AAS
AN KIỂM



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2015	năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		26.454.565.418	24.747.054.180
	2. Điều chỉnh cho các khoản		11.536.537.352	8.333.300.962
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		3.232.061.469	3.168.445.696
03	- Các khoản dự phòng		5.453.162.461	2.198.656.207
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(340.675.065)	(771.070.310)
06	- Chi phí lãi vay		3.191.988.487	3.737.269.369
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		37.991.102.770	33.080.355.142
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(49.768.947.723)	(43.146.439.298)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(48.818.888.731)	(19.663.003.704)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		39.555.716.674	22.291.701.818
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(461.807.888)	2.289.410.546
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.103.912.512)	(3.742.637.677)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(785.156.467)	(1.501.402.187)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		44.386.218	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.463.162.498)	(3.924.040.240)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(28.810.670.157)	(14.316.055.600)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.319.900.000)	(520.000.000)
26	2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.000.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		379.425.065	211.698.504
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(940.474.935)	(308.301.496)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		5.122.365.948	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		133.313.118.167	94.853.423.028
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(126.956.161.807)	(81.746.329.942)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.482.320.000)	(12.958.396.950)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(6.002.997.692)	148.696.136



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2015	năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(35.754.142.784)	(14.475.660.960)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		49.219.443.206	22.745.846.170
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>13.465.300.422</u>	<u>8.270.185.210</u>



Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND. Tương đương 15.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 3 số 0102222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20/09/2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- In và các dịch vụ liên quan đến in;
- In và phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư vấn du học, lập dự án đào tạo;
- Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2015 là:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản



Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Hà Nội	40,24%	40,24%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	22,47%	22,47%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách bổ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

Thông tin về công ty liên kết của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 36.

2.4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm.

TTTC
NG T
HIỆM H
KIỂM
AS
KIỂM -

Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con).

Thời gian phân bổ lợi thế thương mại không quá 10 năm, bắt đầu kể từ ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con theo nguyên tắc: Việc phân bổ phải thực hiện dần đều qua các năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.6. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.9. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ đối với hoạt động kinh doanh sách: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-----------|
| - Phương tiện vận tải | 06-10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03-05 năm |

2.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá vốn của hàng tồn kho.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả...được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	211.808.574	557.055.923
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.253.491.848	28.662.387.283
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
	13.465.300.422	49.219.443.206

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	40,24%	40,24%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	22,47%	22,47%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục II	TP Hồ Chí Minh	8,77%	8,77%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	5,00%	5,00%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ:

Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Góp vốn đầu tư		
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục Công ty liên kết	-	642.000.000
Doanh thu bán hàng		
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục Công ty liên kết	305.607.893	-
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây Công ty liên kết	18.487.599.481	16.434.610.208
Mua hàng hóa		
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục Công ty liên kết	3.634.140.015	1.337.008.270

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty TNHH MTV Sách - Thiết bị và Xây dựng trường học Hà Nội	12.133.567.402	3.378.616.365
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	11.555.352.581	1.821.960.408
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Thanh Hóa	10.470.583.035	5.956.546.705
- Các khoản phải thu khách hàng khác	72.852.716.506	27.421.287.715
	107.012.219.524	38.578.411.193

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	11.555.352.581	1.821.960.408
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	650.687.822	34.039.198
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	2.055.447.360	652.158.610
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	2.270.952.204	425.624.701
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	2.087.226.684	261.158.042
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	1.076.807.784	611.856.866
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	586.463.493	601.196.890
- Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	1.843.908.838	299.319.160
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	1.366.003.340	596.102.340
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	7.393.300	-
- Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	121.868.400	-
- Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	293.840.333	208.990.287
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	385.684.325	-
		24.301.636.464	5.512.406.502

6. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	7.440.277.117	-	5.220.019.867	-
Tạm ứng	355.600.000	-	208.000.000	-
Phải thu khác	7.084.677.117	-	5.012.019.867	-
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	38.750.000	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam ^[1]	4.733.864.582	-	4.624.831.835	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội	1.050.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Hà Nội Xanh	316.552.500	-	-	-
- Ông Hoàng Văn Vân	306.180.000	-	-	-
- Phải thu các đối tượng khác	678.080.035	-	348.438.032	-
b) Dài hạn	4.139.800.000	-	4.139.800.000	-
Ký cược, ký quỹ	39.800.000	-	39.800.000	-
Phải thu khác	4.100.000.000	-	4.100.000.000	-
- Phải thu về tiền thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam ^[2]	4.100.000.000	-	4.100.000.000	-
	11.580.077.117	-	9.359.819.867	-

^[1]Theo cam kết tại Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công số 01/2012/HHTC-HĐCNV ngày 04/03/2012 và Biên bản thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam), Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí sẽ phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản công nợ, nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác với các bên thứ 3 phát sinh và có nguồn gốc phát sinh tại Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công từ ngày 31/03/2012 trở về trước. Do đó, Công ty sẽ theo dõi các khoản công nợ phát sinh từ trước ngày 31/03/2012 trên mã công nợ của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí.

^[2]Công ty đang đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư ngày 30/12/2013 với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam trong thời gian 5 năm. Mục đích của Quỹ là Đầu tư cho hoạt động xuất bản nhằm phát triển hệ thống xuất bản phẩm giáo dục nói chung và Sách giáo khoa, sách bản thảo nói riêng. Việc phân chia kết quả đầu tư sẽ do các bên góp vốn thực hiện trên cơ sở kết quả đầu tư và mức góp vốn của các nhà đầu tư. Tại thời điểm 30/06/2015, hoạt động góp vốn này đang trong giai đoạn triển khai và các bên tham gia Hợp đồng chưa thể xác định được cụ thể về lợi nhuận hay rủi ro sẽ nhận được từ việc đầu tư này.

7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Sách - Thiết bị và Xây dựng Trường học Hà Nội	4.551.554.583	2.848.226.572	1.556.426.538	778.213.269
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	4.693.456.457	2.658.823.868	3.714.540.514	1.767.524.487
- Các đối tượng khác	6.898.815.784	2.970.842.205	4.639.322.542	1.821.873.664
	16.143.826.824	8.477.892.645	9.910.289.594	4.367.611.420

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng Giám đốc vẫn đang hết sức nỗ lực trong việc thu hồi toàn bộ (100%) các khoản nợ phải thu khó đòi này.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	51.212.712.820	-	38.069.277.557	-
Công cụ, dụng cụ	2.180.000	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.932.701.028	-	4.329.227.188	-
Thành phẩm	54.230.715.449	(5.805.552.192)	16.319.408.255	(2.131.613.536)
Hàng hoá	19.655.013.859	(470.446.970)	27.197.463.841	(814.976.270)
Hàng gửi đi bán	1.003.611.275	-	4.302.668.859	-
	139.036.934.431	(6.275.999.162)	90.218.045.700	(2.946.589.806)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập thêm do giá trị các loại sách đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý tăng so với thời điểm đầu năm. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.419.889.480	322.705.731	3.742.595.211
- Mua trong kỳ	1.968.000.000	93.727.273	2.061.727.273
Số dư cuối kỳ	5.387.889.480	416.433.004	5.804.322.484
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.859.098.400	276.011.537	3.135.109.937
- Khấu hao trong kỳ	190.590.986	37.046.835	227.637.821
Số dư cuối kỳ	3.049.689.386	313.058.372	3.362.747.758
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	560.791.080	46.694.194	607.485.274
Tại ngày cuối kỳ	2.338.200.094	103.374.632	2.441.574.726

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.375.650.913 VND.

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B ngõ 6A, phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội với nguyên giá là 87.244.777.643 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2015 là 11.341.821.075 VND trong đó khấu hao từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 là 1.744.895.550 VND.

Bất động sản đầu tư này đang được sử dụng để cho thuê và được đảm bảo cho hợp đồng vay tín dụng số 01/2014/HĐ TDHM-HEID ngày 01/07/2014 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.607.011.818	4.541.011.818
- Công trình nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[1]	4.307.011.818	4.241.011.818
- Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ^[2]	300.000.000	300.000.000
	4.607.011.818	4.541.011.818

^[1]Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: phần góp vốn của Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND;

S-C
Y
HỮU HẠ
TOÀ
C
TP. H

- Theo hợp đồng này Công ty đã thực hiện góp 90% số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.723.950.000 VND.

Trong năm 2013, Theo Biên bản họp ngày 06/06/2013 giữa 5 công ty trên đã thống nhất: Tiếp tục thực hiện Dự án và cùng nhau đóng góp kinh phí để thực hiện các giai đoạn còn lại của Dự án; Riêng phần tham gia đầu tư của Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; Đồng ý ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam để thực hiện dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng cho Dự án. Sau khi ký kết Biên bản này, thực hiện theo các Công văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 401.000.000 VND.

Năm 2014, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 2.116.061.818 VND. Tại thời điểm 31/12/2014, tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án là 4.241.011.818 VND. Trong đó, số vốn góp mà Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội đã thực nhận là 2.943.950.000 VND. Số vốn góp còn lại Công ty đã chuyển qua đối tác trung gian là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để tiếp tục góp vốn vào dự án này. Trong kỳ, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 66.000.000 VND theo Công văn số 16/CV/HAPCO ngày 26/01/2015 và 74/CV/HAPCO ngày 13/05/2015. Tại thời điểm 30/06/2015, tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án là 4.307.011.818 VND.

^[2]Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa”. Hiện tại Dự án này đang tạm dừng đầu tư.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	12.621.675.521	11.068.958.433
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ^[1]	8.087.575.559	5.269.982.201
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	313.149.091	696.891
- Chi phí sửa chữa, lắp đặt nội thất	-	68.181.818
- Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	-	313.149.091
- Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ ^[2]	3.660.106.134	5.416.948.432
- Chi phí thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phải trả công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí	560.844.737	-
b) Dài hạn	7.636.363.528	8.727.272.728
- Chi phí thuê kho ^[3]	7.636.363.528	8.727.272.728
	20.258.039.049	19.796.231.161

^[1]Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán/(Giá vốn hàng bán + Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ).

^[2]Phí bán thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.

^[3]Đây là chi phí thuê kho ở Bộ tổng Tham mưu trả trước cho 04 năm từ năm 2015 đến năm 2018 theo hợp đồng thuê kho số 137/HĐKT ngày 09/12/2013 và Phụ lục hợp đồng số 137/PLHĐKT ngày 01/06/2014.

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (công ty con) với tổng giá trị là 25.190.561.959 VND được phân bổ trong vòng 10 năm (120 tháng), thời gian phân bổ còn lại là 81 tháng.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	60.231.669.393	60.231.669.393	30.094.182.360	30.094.102.360
- Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	24.343.585.007	24.343.585.007	12.500.264.599	12.500.264.599
- Phải trả cho các đối tượng khác	35.888.084.386	35.888.084.386	17.593.917.761	17.593.837.761
	60.231.669.393	60.231.669.393	30.094.182.360	30.094.102.360

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2015		01/01/2015	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết	4.062.456.612	4.062.456.612	2.880.253.227	2.880.253.227
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	24.343.585.007	24.343.585.007	12.500.264.599	12.500.264.599
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	131.250.000	131.250.000	131.250.000	131.250.000
- Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	196.987.142	196.987.142	-	-
- Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	263.650.844	263.650.844	33.943.984	33.943.984
- Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	5.576.000	5.576.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	-	-	74.237.200	74.237.200
- Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.302.411.618	1.302.411.618	1.428.035.119	1.428.035.119
- Công ty Cổ phần Học Liệu	Cùng Tập đoàn	585.000.000	585.000.000	481.154.158	481.154.158
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	2.788.483.337	2.788.483.337	213.577.861	213.577.861
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	6.195.604.264	6.195.604.264	776.576.555	776.576.555
		39.875.004.824	39.875.004.824	18.519.292.703	18.519.292.703

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.370.874.647	970.551.806	1.591.371.143	-	750.055.310
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	392.481.256	6.170.111.716	785.156.467	-	5.777.436.505
Thuế thu nhập cá nhân	217.188.618	428.544.453	1.140.922.032	1.792.457.277	454.345.666	14.166.256
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	231.670.500	231.670.500	-	-
Các loại thuế khác	7.843.000	-	6.000.000	6.000.000	7.843.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	245.109.236	245.109.236	-	-
	225.031.618	2.191.900.356	8.764.365.290	4.651.764.623	462.188.666	6.541.658.071

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả	189.959.891	101.883.916
- Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, quản lý xuất bản	3.145.126.868	1.900.031.011
- Trích trước chi phí tặng chiết khấu phát hành	3.515.626.432	730.811.463
- Trích trước chi phí vận chuyển	787.882.434	1.000.823.811
- Trích trước chi phí thuê văn phòng, thuê kho	268.663.636	-
- Chi phí phải trả khác	1.734.870.455	145.000.000
	9.642.129.716	3.878.550.201

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	602.809.413	665.370.124
Kinh phí công đoàn	268.533.273	328.800.573
Bảo hiểm xã hội	3.836.483	888.344
Bảo hiểm y tế	960.483	450.226
Bảo hiểm thất nghiệp	329.551	102.775
Các khoản phải trả, phải nộp khác	329.149.623	335.128.206
- Phải trả Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam ^[1]	329.149.623	305.579.606
- Phải trả, phải nộp khác	-	29.548.600
b) Dài hạn	1.546.685.000	1.722.205.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.546.685.000	1.722.205.000
	2.149.494.413	2.387.575.124

^[1] Theo cam kết tại Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công số 01/2012/HHTC-HĐCNV ngày 04/03/2012 và Biên bản thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam), Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí sẽ phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản công nợ, nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác với các bên thứ 3 phát sinh và có nguồn gốc phát sinh tại Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công từ ngày 31/03/2012 trở về trước. Do đó, Công ty sẽ theo dõi các khoản công nợ phát sinh từ trước ngày 31/03/2012 trên mã công nợ của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí.

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong kỳ		30/06/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	88.858.069.358	88.858.069.358	133.313.118.167	126.956.161.807	95.215.025.718	95.215.025.718
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ^[1]	73.028.743.301	73.028.743.301	97.852.637.470	90.904.178.551	79.977.202.220	79.977.202.220
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam ^[2]	15.829.326.057	15.829.326.057	35.460.480.697	36.051.983.256	15.237.823.498	15.237.823.498
	88.858.069.358	88.858.069.358	133.313.118.167	126.956.161.807	95.215.025.718	95.215.025.718

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

^[1]Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐ TDHM-HEID ngày 01/07/2014 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND; Trong đó bao gồm cả tổng số dư L/C phát hành không vượt quá 50.000.000.000 VND;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 08 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công theo thông báo kết quả thẩm định và định giá tài sản số 657A/2014 TB-AMC.HN-TĐ ngày 11/06/2014 với giá trị 67.336.000.000 VND.

^[2]Hợp đồng tín dụng số 1300000220577 ngày 31/07/2014 giữa bên cho vay là Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - Chi Nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 21.000.000.000 VND;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 06 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu và được ghi trong sổ kế toán của bên thế chấp tại thời điểm hiện tại hoặc trong tương lai với giá trị ít nhất tương đương 30.000.000.000 VND.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	20.784.654.214	7.166.600.347	25.169.925.543	199.944.470.104
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	19.415.152.461	19.415.152.461
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.463.100.000)	(13.463.100.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	5.392.022.083	1.686.986.593	(7.079.008.676)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.544.806.373)	(3.544.806.373)
Trả thù lao của Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(1.686.986.593)	(1.686.986.593)
Số dư cuối kỳ trước	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	26.176.676.297	8.853.586.940	18.828.439.735	200.681.992.972
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	29.010.550.892	10.270.524.238	19.479.841.005	205.584.206.135
Tăng vốn trong kỳ này ^[1]	-	1.932.783.050	3.200.876.950	-	-	-	5.133.660.000
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	20.284.453.702	20.284.453.702
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	(17.482.320.000)	(17.482.320.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.354.802.167	-	(2.354.802.167)	-
Chi phí phát hành tăng vốn	-	(11.294.052)	-	-	-	-	(11.294.052)
Số dư cuối kỳ này	150.000.000.000	1.945.655.948	-	31.365.353.059	10.270.524.238	19.927.172.540	213.508.705.785

^[1]Căn cứ vào Nghị quyết số 8-2014/NQ-HĐQT ngày 10/12/2014 của Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch bán toàn bộ 431.400 cổ phiếu quỹ nhằm mục đích bổ sung vốn cho sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện bán toàn bộ số cổ phiếu quỹ trên cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vào ngày 20/01/2015 với giá giao dịch bình quân là 11.900 đồng/cổ phiếu (mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu). Phân chênh lệch giữa giá giao dịch và mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần với số tiền là 1.932.783.050 VND.



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Theo nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-2015 ngày 05/01/2015 thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 và phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2014 dự kiến, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận trong năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		28.338.745.953
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	10%	2.833.874.595
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	15%	4.250.811.893
Trích Quỹ bổ sung Vốn chủ sở hữu	5%	1.416.937.298

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ là 12%/cổ phiếu (mỗi cổ phiếu được nhận 1.200 VND) và trích lập Quỹ Đầu tư phát triển từ lợi nhuận còn lại theo Nghị quyết số 09-2014/NQ-HĐQT ngày 11/12/2014 của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

Chi trả cổ tức	17.482.320.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	2.354.802.167

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015 VND	Tỷ lệ %	01/01/2015 VND	Tỷ lệ %
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	55.932.000.000	37,28%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	12.083.890.000	8,06%	10.222.890.000	6,82%
Các cổ đông khác	77.670.110.000	51,78%	79.531.110.000	53,02%
Vốn góp tương ứng với cổ phiếu quỹ	-	0,00%	4.314.000.000	2,88%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.482.320.000	13.463.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	17.482.320.000	13.463.100.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	431.400
- Cổ phiếu phổ thông	-	431.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	14.568.600
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	14.568.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	31.365.353.059	29.010.550.892
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10.270.524.238	10.270.524.238
	41.635.877.297	39.281.075.130

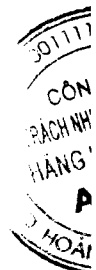
20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:	21.630.789.845	21.630.789.845
- Từ 1 năm trở xuống	5.492.411.125	5.492.411.125
- Từ 1 năm đến 5 năm	16.138.378.720	16.138.378.720

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	234.660.065.514	212.287.878.754
- Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	142.060.548.289	123.672.863.274
- Doanh thu lịch Block	1.333.289.199	1.127.354.753
- Doanh thu sách tham khảo	29.982.218.241	29.362.141.662
- Doanh thu nhượng bán vật tư	21.709.655.378	36.376.647.964
- Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	39.574.354.407	21.748.871.101
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.460.122.452	3.338.453.424
	238.120.187.966	215.626.332.178



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Doanh thu đối với các bên liên quan			
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	18.487.599.481	16.434.610.208
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	51.873.765	52.518.666
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	3.840.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	2.255.447.360	1.963.466.200
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	4.107.376.205	1.202.315.890
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	5.266.322.936	4.463.648.240
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	1.524.835.992	1.690.932.906
- Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	3.778.600	123.225.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	561.845.644	291.255.330
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	137.530.000	-
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.772.757.874	869.686.445
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	184.278.680	306.042.204
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	1.344.980.300	7.138.744.984
- Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	1.556.648.818	1.637.336.983
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	6.450	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	1.965.951.173	2.554.668.718
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	7.320.557	4.354.880
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	1.304.667.619	14.785.140
- Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	-	4.151.520
		40.533.221.454	38.751.431.794

TY
HỒU
EMT
AS
GEM

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.388.472.807	865.917.090
Giảm giá hàng bán	294.826.258	496.664.396
	1.683.299.065	1.362.581.486

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Giá vốn bán hàng	166.923.795.873	157.613.049.738
- Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	99.922.447.557	90.877.413.390
- Giá vốn bán lịch Block	1.259.665.425	1.413.194.386
- Giá vốn bán sách tham khảo	17.263.356.276	17.092.309.006
- Giá vốn bán vật tư	22.366.008.313	36.622.465.814
- Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	26.112.318.302	11.607.667.142
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.769.449.869	1.744.895.550
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.329.409.356	727.221.007
	173.022.655.098	160.085.166.295

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	75.280.065	196.415.714
Cổ tức, lợi nhuận được chia	265.395.000	112.782.290
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	500.500
	340.675.065	309.698.504

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.191.988.487	3.737.269.369
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	1.166.346.600
Hoàn nhập/ Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	497.100	(3.553.000)
Chi phí tài chính khác	1.728.971	353.668
	3.194.214.558	4.900.416.637

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.283.802	62.290.056
Chi phí nhân công	10.292.041.315	8.653.225.695
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	39.104.546	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.014.904	93.364.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.088.843.915	7.069.506.947
Chi phí khác bằng tiền	341.051.171	260.370.884
	16.884.339.653	16.138.757.908

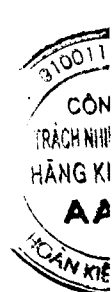
27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	222.162.644	257.648.361
Chi phí nhân công	4.455.956.847	3.803.702.539
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	7.400.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	165.622.917	70.657.722
Thuế, phí và lệ phí	231.670.500	63.965.000
Chi phí dự phòng	2.123.256.005	1.471.435.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.009.681.232	1.005.864.844
Chi phí khác bằng tiền	3.143.854.928	1.208.750.405
Lợi thế thương mại phân bổ	1.259.528.098	1.281.602.411
	16.619.133.171	9.163.626.482

28. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Thuế GTGT được hoàn trả lại công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam ^[1]	560.844.737	-
Chi phí khác	24.923.717	300.000
	585.768.454	300.000

^[1] Xử lý căn cứ theo Biên bản đối chiếu số liệu số 02/BBĐC-HHVN ngày 08/06/2015 giữa Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Giáo dục Hà Nội, Công ty TNHH một thành viên Hồng Hà Thành công và Công ty cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) về việc phân chia tiền thuế GTGT được hoàn từ dự án đầu tư cho Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam.



29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	27.735.679.734	25.596.784.285
Các khoản điều chỉnh tăng	700.879.630	60.299.994
Các khoản điều chỉnh giảm	(265.395.000)	(142.782.290)
Thu nhập chịu thuế TNDN (Thuế suất 22%)	26.540.572.148	24.235.916.904
Thu nhập chịu thuế TNDN (Thuế suất 20%) ^(*)	1.630.592.216	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.165.044.316	5.331.901.719
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	5.067.400	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	392.481.256	399.652.187
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(785.156.467)	(1.501.402.187)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	5.777.436.505	4.230.151.719

^(*) Thuế suất thuế TNDN trong kỳ tại Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công được áp dụng mức thuế suất 20% theo điều 11 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	20.284.453.702	19.415.152.461
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	20.284.453.702	19.415.152.461
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	14.954.715	14.568.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.356	1.333

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.



31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.508.563.869	74.129.812.727
Chi phí nhân công	14.747.998.162	12.456.928.234
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	114.686.364	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.972.533.371	164.022.048
Thuế, phí và lệ phí	231.670.500	63.965.000
Chi phí dự phòng	2.123.256.005	1.471.435.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.947.165.261	56.130.901.064
Chi phí khác bằng tiền	6.186.174.150	1.469.121.289
Lợi thế thương mại	1.259.528.098	1.281.602.411
	156.091.575.780	147.167.787.973

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.465.300.422	-	49.219.443.206	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	118.592.296.641	(7.665.934.179)	47.938.231.060	(5.542.678.174)
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(102.769.600)	118.776.400	(102.272.500)
Đầu tư dài hạn	3.750.000.000	-	4.750.000.000	-
	135.926.373.463	(7.768.703.779)	102.026.450.666	(5.644.950.674)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	95.215.025.718	88.858.069.358
Phải trả người bán, phải trả khác	62.381.163.806	32.481.757.484
Chi phí phải trả	9.642.129.716	3.878.550.201
	167.238.319.240	125.218.377.043

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.465.300.422	-	-	13.465.300.422
Phải thu khách hàng, phải thu khác	106.786.562.462	4.139.800.000	-	110.926.362.462
Đầu tư ngắn hạn	16.006.800	-	-	16.006.800
Đầu tư dài hạn	-	3.750.000.000	-	3.750.000.000
Cộng	120.267.869.684	7.889.800.000	-	128.157.669.684
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.219.443.206	-	-	49.219.443.206
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.255.752.886	4.139.800.000	-	42.395.552.886
Đầu tư ngắn hạn	16.503.900	-	-	16.503.900
Đầu tư dài hạn	-	4.750.000.000	-	4.750.000.000
Cộng	87.491.699.992	8.889.800.000	-	96.381.499.992

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Vay và nợ	95.215.025.718	-	-	95.215.025.718
Phải trả người bán, phải trả khác	60.834.478.806	1.546.685.000	-	62.381.163.806
Chi phí phải trả	9.642.129.716	-	-	9.642.129.716
	165.691.634.240	1.546.685.000	-	167.238.319.240
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	88.858.069.358	-	-	88.858.069.358
Phải trả người bán, phải trả khác	30.759.552.484	1.722.205.000	-	32.481.757.484
Chi phí phải trả	3.878.550.201	-	-	3.878.550.201
	123.496.172.043	1.722.205.000	-	125.218.377.043

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh sách và thiết bị giáo dục	Kinh doanh Bất động sản và xây dựng	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và dịch vụ	232.976.766.449	4.513.018.865	237.489.785.314	(1.052.896.413)	236.436.888.901
Giá vốn từ bán hàng và dịch vụ	170.253.205.229	2.769.449.869	173.022.655.098	-	173.022.655.098
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	62.723.561.220	1.743.568.996	64.467.130.216	(1.052.896.413)	236.436.888.901
Tài sản bộ phận	419.713.230.710	105.709.041.676	525.422.272.386	(128.114.651.357)	397.307.621.029
Nợ phải trả của các bộ phận	201.686.702.316	2.572.572.339	204.259.274.655	(20.460.359.411)	183.798.915.244

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Mua hàng hóa			
Công ty Cổ phần Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	280.511.934	219.788.543
Công ty Cổ phần Sách Đại học Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	277.337.864	49.889.696
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	671.899.040	568.958.576
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	21.561.600	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	10.019.148.640	9.932.319.719
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	12.559.140	5.681.829
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	475.200.000	247.007.162
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	5.366.341.535	2.870.885.027
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	8.957.064.423	8.820.923.266
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	742.714.723	845.687.239
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	5.576.000	6.566.200
Chi phí tổ chức bản thảo, biên tập, quản lý xuất bản			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục	Công ty mẹ	5.909.091	2.272.727
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	616.987.162	1.719.797.374
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	21.061.233.696	10.499.453.234
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng			
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	264.436.363	-
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	104.727.273	104.727.270
Cổ tức và lợi nhuận được chia			
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	112.500.000	112.500.000
Chiết khấu thanh toán nhanh			
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	-	13.086.800
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	-	14.000.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

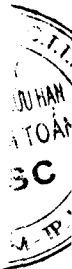
	Mối quan hệ	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Người mua trả tiền trước			
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	3.932.800
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	37.465.740	-
Ứng trước cho người bán			
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	35.390.200

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	1.206.634.388	1.163.451.188

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

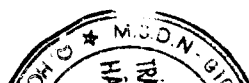


Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
121	1. Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	121	1. Chứng khoán kinh doanh	118.776.400	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(102.272.500)	122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(102.272.500)	-
131	1. Phải thu khách hàng	38.578.411.193	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	38.578.411.193	-
132	2. Trả trước cho người bán	23.395.750.939	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	23.395.750.939	-
135	5. Các khoản phải thu khác	5.012.019.867	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	5.220.019.867	208.000.000
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	208.000.000	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(208.000.000)
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.542.678.174)	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.542.678.174)	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	225.031.618	153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	225.031.618	-
218	4. Phải thu dài hạn khác	4.100.000.000	216	6. Phải thu dài hạn khác	4.139.800.000	39.800.000
268	3. Tài sản dài hạn khác	39.800.000	268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(39.800.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.541.011.818	242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.541.011.818	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12.888.592.915	252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.888.592.915	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	4.750.000.000	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.750.000.000	-
269	IV. Lợi thế thương mại	18.593.979.455	269	5. Lợi thế thương mại	18.593.979.455	-
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	88.858.069.358	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	88.858.069.358	-
312	2. Phải trả người bán	30.094.182.360	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	30.094.182.360	-
313	3. Người mua trả tiền trước	50.285.105	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	50.285.105	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.191.900.356	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.191.900.356	-
315	5. Phải trả người lao động	3.698.011.979	314	5. Phải trả người lao động	3.698.011.979	-
316	6. Chi phí phải trả	3.878.550.201	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	3.878.550.201	-



Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
45	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	461.872.306	24	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	461.872.306	-
24	Chi phí bán hàng	16.138.757.908	25	Chi phí bán hàng	16.138.757.908	-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.163.626.482	26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.163.626.482	-
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ						
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	94.853.423.028	33	3. Tiền thu từ đi vay	94.853.423.028	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(81.746.329.942)	34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(81.746.329.942)	-



Phạm Bá Thành
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015

Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích
 Người lập

